

## **CHÍNH PHỦ**

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2006/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2006*

### **NGHỊ ĐỊNH**

**Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng**

## **CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

### **NGHỊ ĐỊNH:**

#### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí, chức năng của Thanh tra quốc phòng**

Thanh tra quốc phòng là Thanh tra nhà nước được tổ chức thành hệ thống trong Quân đội, có chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước về quốc phòng.

#### **Điều 2. Đối tượng của Thanh tra quốc phòng**

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.
2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam chấp hành pháp luật về quốc phòng và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động liên quan đến pháp luật về quốc phòng của Việt Nam. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

### **Điều 3. Nội dung hoạt động Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước, chấp hành nhiệm vụ, mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của người chỉ huy đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền người chỉ huy cùng cấp.

3. Tham mưu và giúp người chỉ huy cùng cấp tổ chức, quản lý và thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; công tác tiếp công dân, phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Kiến nghị người chỉ huy các cấp đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ các quy định do đơn vị ban hành trái với văn bản pháp luật về công tác thanh tra.

5. Thực hiện quyền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động Thanh tra quốc phòng**

1. Hoạt động Thanh tra quốc phòng phải tuân theo pháp luật nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ và các quy định của Quân đội.

2. Hoạt động Thanh tra quốc phòng phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, kịp thời, công khai, dân chủ và không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

### **Điều 5. Mối quan hệ của Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương, sự chỉ huy, quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chỉ đạo về nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra quốc phòng các cấp chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự chỉ huy, quản lý của người chỉ huy cùng cấp và sự chỉ đạo thống nhất về nghiệp vụ của Thanh tra Bộ Quốc phòng.

3. Quan hệ giữa cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp với các cơ quan thanh tra Bộ, ngành, địa phương là quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

### **Điều 6. Hoạt động thanh tra ở các cơ quan, đơn vị không có cơ quan Thanh tra quốc phòng**

1. Các cơ quan, đơn vị trong quân đội từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên không có cơ quan Thanh tra quốc phòng thì Chỉ huy trưởng phụ trách và sử dụng cán bộ thuộc quyền để kiêm nhiệm một số nhiệm vụ công tác thanh tra trong đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trong quân đội tổ chức Ban thanh tra nhân dân do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG**

#### **Điều 7. Hệ thống tổ chức Thanh tra quốc phòng**

1. Các cơ quan trong hệ thống Thanh tra quốc phòng gồm:
- a) Thanh tra Bộ Quốc phòng;
  - b) Thanh tra quốc phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh);
  - c) Thanh tra quốc phòng Quân khu;
  - d) Thanh tra Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các Tổng cục;
  - đ) Thanh tra Quân chủng;
  - e) Thanh tra Bộ đội biên phòng;
  - g) Thanh tra Quân đoàn, Binh chủng và tương đương.

2. Tổ chức, biên chế, trang bị cụ thể của Thanh tra quốc phòng các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh thanh tra, Phó chánh thanh tra và các chức danh khác của Thanh tra quốc phòng các cấp thực hiện theo quy định

của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật.

4. Cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp có con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Thanh tra Bộ Quốc phòng**

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng là cơ quan của Bộ Quốc phòng, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; quản lý, chỉ đạo các tổ chức thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Thanh tra Bộ Quốc phòng có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

3. Thanh tra Bộ Quốc phòng có tài khoản riêng.

### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Quốc phòng**

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng và thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương, các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra các Bộ, ngành, địa phương tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành và thực hiện chính sách, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Thanh tra chấp hành pháp luật về quốc phòng của Việt Nam đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến pháp luật về quốc phòng Việt Nam.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại tố cáo, tiếp công dân theo thẩm quyền và thanh tra các vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao.

4. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; công tác tiếp công dân, phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Hướng dẫn, kiểm tra người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng về công tác thanh tra quốc phòng và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, thông tin và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho cán bộ thanh tra quốc phòng các cấp; tham gia quản lý, sử dụng cán bộ thanh tra ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

7. Nghiên cứu khoa học, tổng kết, biên soạn tài liệu nghiệp vụ về thanh tra quốc phòng.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng**

1. Quản lý, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch đó. Trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Yêu cầu các cơ quan chức năng và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thông báo, cung cấp tình hình, tài liệu liên quan đến công tác thanh tra quốc phòng, cử người tham gia các đoàn thanh tra.

4. Yêu cầu người chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức thanh tra những vụ việc theo phạm vi trách nhiệm của mình; xem xét lại những vấn đề mà Chánh Thanh tra không nhất trí với người chỉ huy cùng cấp. Nếu yêu cầu trên không được thực hiện hoặc Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng còn ý kiến không nhất trí thì báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

5. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tiếp công dân và xem xét trách nhiệm, xử lý cá nhân có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

6. Quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc

Bộ Quốc phòng đối với người đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra.

7. Xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

8. Quyết định hoặc kiến nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác đối với quân nhân, viên chức quốc phòng ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng khi có hành vi cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện các yêu cầu, quyết định về thanh tra theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia ý kiến với lãnh đạo, chỉ huy các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng về thống nhất quản lý thanh tra viên quốc phòng và sắp xếp, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quốc phòng cùng cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

10. Quản lý, chỉ đạo, tổ chức cơ quan Thanh tra Bộ Quốc phòng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 9 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 11. Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

1. Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh là cơ quan trực thuộc tỉnh đội, giúp Tỉnh đội trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo, quản lý công tác thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đội.

2. Tổ chức thanh tra quốc phòng cấp tỉnh có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

### **Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

1. Phối hợp với Thanh tra tỉnh tổ chức thanh tra các sở, ban, ngành, các huyện, quận, thị xã và cá nhân thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước về quốc phòng và giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, nhiệm vụ quân sự đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đội.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền quy định của pháp luật đối với cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đội.

4. Thanh tra các vụ việc khác do Tỉnh đội trưởng giao.

5. Tham mưu và tổ chức thực hiện giúp Tỉnh đội trưởng quản lý công tác giải quyết khiếu nại tố cáo, công tác tiếp công dân, thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

6. Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo đối với người chỉ huy cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đội. Tạm đình chỉ những quyết định không đúng của người chỉ huy các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đội về công tác thanh tra, đồng thời kiến nghị Tỉnh đội trưởng giải quyết; kiểm tra, đôn đốc, theo dõi và báo cáo việc thực hiện các kết luận, yêu cầu kiến nghị, quyết định về thanh tra do thanh tra quốc phòng cấp trên và Thanh tra Nhà nước tỉnh đã tiến hành thanh tra ở những đơn vị thuộc quyền tỉnh đội quản lý.

7. Kiến nghị Tỉnh đội trưởng giải quyết những vấn đề về thanh tra, trong trường hợp kiến nghị không được chấp nhận thì có quyền bảo lưu và báo cáo Chánh Thanh tra quốc phòng Quân khu xem xét, giải quyết.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh**

1. Yêu cầu các cơ quan chức năng và các đơn vị trực thuộc tỉnh đội thông báo, cung cấp tình hình, tài liệu cần thiết có liên quan đến công tác thanh tra, cử người tham gia đoàn thanh tra.

2. Giúp Tỉnh đội trưởng lập kế hoạch thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật; nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước về quốc phòng hàng năm đối với các sở, ban, ngành, huyện, quận, thị xã và cá nhân trên địa bàn tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành các quyết định kỷ luật, chuyển công tác của quân nhân, viên chức quốc phòng ở cơ quan, đơn vị thuộc quyền tỉnh đội đang cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định gây trở ngại cho việc thanh tra.

4. Quyết định hoặc đề nghị Tỉnh đội trưởng quyết định cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác đối với quân nhân, nhân viên quốc phòng thuộc quyền quản lý của tỉnh đội có hành vi cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, quyết định về thanh tra.

5. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật.

6. Chỉ đạo cơ quan Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 12 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Thanh tra quốc phòng Quân khu; Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các Tổng cục; Quân chủng; Bộ đội biên phòng; Quân đoàn; Binh chủng và tương đương**

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Thanh tra quốc phòng Quân khu; Bộ Tổng tham mưu; Tổng cục Chính trị và các Tổng cục; Quân chủng; Bộ đội biên phòng; Quân đoàn; Binh chủng và tương đương do Bộ Trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

**Chương III**  
**THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN**  
**THANH TRA QUỐC PHÒNG**

**Điều 15. Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra viên quốc phòng là sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, có cương vị chỉ huy và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương ứng với nhiệm vụ thanh tra được giao, được bổ nhiệm vào ngạch Thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Thanh tra viên quốc phòng có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được bổ nhiệm và cấp thẻ Thanh tra viên.

2. Trong hoạt động thanh tra, khi cần thiết Thanh tra quốc phòng các cấp được trưng tập người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra làm Cộng tác viên.

**Điều 16. Trách nhiệm của Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, Thanh tra viên, Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và người chỉ huy cơ quan quản lý trực tiếp về nhiệm vụ thanh tra.

2. Thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra quốc phòng có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.



## **Điều 17. Quyền lợi của Thanh tra viên và Cộng tác viên Thanh tra quốc phòng**

1. Thanh tra viên và cán bộ trong ngành Thanh tra quốc phòng sử dụng trang phục theo chế độ quy định của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài tiêu chuẩn quy định của quân đội, Thanh tra viên quốc phòng được hưởng các quyền lợi chung như đối với Thanh tra viên nhà nước, được trích thưởng trong hoạt động thanh tra theo quy định chung của Chính phủ.

2. Tiêu chuẩn, chế độ đãi ngộ đối với Cộng tác viên thanh tra quốc phòng thực hiện theo quy định chung của Chính phủ.

## **Chương IV HOẠT ĐỘNG THANH TRA QUỐC PHÒNG**

### **Điều 18. Hình thức và thời hạn thanh tra**

1. Hình thức thanh tra:

- a) Thanh tra theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
- b) Thanh tra đột xuất khi phát hiện cơ quan, đơn vị, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, khi được người chỉ huy cùng cấp giao và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn thanh tra:

a) Cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ, Thanh tra Quân khu, Thanh tra Tổng Cục, Thanh tra Quân chủng và Thanh tra Bộ đội Biên phòng tiến hành không quá bốn mươi lăm ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá bảy mươi ngày.

b) Cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra các cấp khác tiến hành không quá ba mươi ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài, nhưng không quá bốn mươi lăm ngày.

c) Cuộc thanh tra chuyên ngành do Thanh tra các cấp tiến hành không quá ba mươi ngày, trong trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá ba mươi ngày.

### **Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và ra quyết định thanh tra**

1. Người chỉ huy các cấp có trách nhiệm phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh

tra của năm sau do Chánh Thanh tra cùng cấp trình, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm trước.

2. Chánh Thanh tra cùng cấp ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra để thực hiện quyết định thanh tra. Khi xét thấy cần thiết, người chỉ huy cùng cấp ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra.

3. Việc ra quyết định thanh tra phải có một trong các căn cứ sau đây:

a) Trong chương trình, kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khi có yêu cầu của người chỉ huy cùng cấp.

c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Chánh Thanh tra kiến nghị người chỉ huy cùng cấp ra quyết định thanh tra.

### **Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, người ra quyết định thanh tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi quyết định của mình. Trong quá trình thanh tra người ra quyết định thanh tra phải chỉ đạo, kiểm tra mọi hoạt động của Đoàn thanh tra, Thanh tra viên thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kết luận hoặc ủy quyền cho Trưởng đoàn thanh tra kết luận với đối tượng thanh tra về nội dung cuộc thanh tra.

3. Quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến trách nhiệm của Trưởng đoàn thanh tra và các thành viên khác của Đoàn thanh tra.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

### **Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên khi thực hiện nhiệm vụ**

1. Khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, Trưởng đoàn Thanh tra, Thanh tra viên quốc phòng chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi quyết định của mình.

2. Kiến nghị người ra quyết định thanh tra áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của Đoàn thanh tra.

3. Báo cáo với người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra, đề nghị xử lý

sau thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó.

4. Kết luận cuộc thanh tra khi được người ra quyết định thanh tra ủy quyền.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

## **Điều 22. Trách nhiệm phối hợp, hiệp đồng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đối với hoạt động thanh tra quốc phòng khi thực hiện nhiệm vụ**

1. Người chỉ huy các cấp trong Quân đội và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức nơi tiến hành thanh tra có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với tổ chức thanh tra, Đoàn thanh tra để tổ chức tốt nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan Thanh tra quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng cùng cấp, cơ quan Thanh tra nhà nước các cấp để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, các nhiệm vụ khác và giải quyết những vấn đề có liên quan đến hoạt động thanh tra quốc phòng.

3. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang và các địa phương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phải thực hiện các yêu cầu của tổ chức thanh tra và thanh tra viên quốc phòng liên quan đến hoạt động thanh tra quốc phòng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 23. Trách nhiệm thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra**

1. Kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra phải ghi rõ nội dung, thời gian, đối tượng thực hiện, phải được công bố, công khai với đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Người chỉ huy các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và đối tượng thanh tra phải thực hiện đúng kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau cuộc thanh tra theo quy định của pháp luật.

## **Điều 24. Bảo đảm cho hoạt động thanh tra**

1. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động thanh tra quốc phòng thuộc dự toán ngân sách nhà nước được thông báo hàng năm của Bộ Quốc phòng.

2. Việc bảo đảm vật chất, phương tiện phục vụ cho tổ chức và hoạt động Thanh tra quốc phòng các cấp do người chỉ huy cùng cấp chịu trách nhiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Điều 25. Xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra**

Người nào cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Chương V****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 27. Hướng dẫn và trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phan Văn Khải**